

Bản án số: **28** /2017/ HNGĐ-ST

Ngày 22/05/2017

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Thìn, ông Dương Minh Thiết

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Vũ Thị Thanh Huyền- Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Trần Văn Mạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/05/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2017/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2017 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐTS- HNGĐ ngày 08/05/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang; (Có mặt).

Bị đơn Anh Vũ Đăng Kỳ, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Đăng K có đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2012 tại UBND xã B. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh K sống cùng với bố mẹ anh K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng tháng 6/2016. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau, anh K không có lập trường, nghe lời bố mẹ. Tháng 6/2016 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, từ khi chị về nhà thì anh K không quan tâm đến chị và con các con. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Vũ Thanh V, sinh ngày 25/11/2014.

2. Vũ Đức D, sinh ngày 26/01/2017.

Hiện nay con đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi con chung vợ chồng vì hiện nay các con chị đều dưới 36 tháng tuổi.

Hiện nay chị đang làm công nhân may, thu nhập từ 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng / tháng, chị làm cách nhà khoảng 01 km. Từ khi chị về nhà bố mẹ để anh K không đưa cho chị tiền nuôi con, anh K không quan tâm đến các con. Thời gian trước khoảng 03 tháng anh K đến thăm con 01 lần, gần đây khoảng 1 đến 02 tháng đến thăm con một lần. Hiện nay anh K làm thợ sửa chữa ô tô tại khu công nghiệp N. Chị xác định chị có đủ điều kiện để nuôi 02 con, hiện nay các con chị đều dưới 36 tháng tuổi các cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm của người mẹ, anh K không quan tâm đến con, mỗi lần anh K đón con thì con khóc và sợ hãi. Khi chị có thai và sinh cháu D anh K không quan tâm, khi chị đi đẻ thì gia đình chị phải đưa chị đi, anh K không đến đưa đi đẻ và không đến thăm hỏi gì mẹ con chị.

Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Vũ Đăng K trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng anh mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Từ tháng 06/2016 chị T về nhà bố mẹ để sinh sống anh không quan tâm đến chị T và các con, hiện nay vợ chồng đã không còn tình cảm giành cho nhau, chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Vũ Thanh V, sinh ngày 25/11/2014.
2. Vũ Đức D, sinh ngày 26/01/2017.

Hiện nay các con vẫn đang ở với chị T, vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, anh xin nhận nuôi cháu Vũ Thanh V, chị T nuôi con Vũ Đức D. Từ tháng 06/2016 chị T đã bế con về nhà bố mẹ để sinh sống, trong thời gian chị T đưa con về nhà bố mẹ để sinh sống thì anh cũng ít đến thăm con vì mỗi lần anh ra thăm con đều bị mẹ chị T chửi, anh cũng không đóng góp tiền nuôi con cho chị T. Mỗi lần anh đến đón con thì con đều khóc vì lúc chị T đưa con đi còn lúc đó còn quá nhỏ, khi chị T sinh cháu D anh không đến thăm hỏi vì anh không biết chị T sinh lúc nào.

Hiện nay anh đang làm ở công ty sửa chữa ô tô, thu nhập khoảng 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng /trên tháng. Hiện nay chị T làm công nhân

may cách nhà khoảng 02 đến 03 cây số. Anh không đồng ý để chị T nuôi 02 con chung.

Tại biên bản xác minh với ông Ngô Minh L là cán bộ tư pháp xã và bà Đặng Thị Hương S cán bộ hội phụ nữ xã B thể hiện: Chị T và anh K có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa chị Th và anh K và gia đình anh K có xảy ra mâu thuẫn và thường xảy ra chửi bới, xúc phạm nhau, chị Th cùng 02 con đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 06/2016 cho đến nay. Vợ chồng chị T có 02 con chung, hiện nay các cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, chị T hiện nay làm công nhân tại địa phương, thu nhập khoảng 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng một tháng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án ngày 03/04/2017 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, ngày 10/04/2017 anh K có đơn thay đổi ý kiến về việc hòa giải, anh đề nghị được nuôi 01 con chung là cháu Vũ Thanh V.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị được ly hôn với anh K, về con chung chị xin được nuôi con chung vợ chồng, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị T, về con chung anh xin được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Vũ Thanh V. Về tài sản anh và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị T: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh K.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi con chung của vợ chồng.

1. Vũ Thanh V, sinh ngày 25/11/2014.

2. Vũ Đức D, sinh ngày 26/01/2017.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đăng K đã đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2012 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị T và anh K về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng ly thân của 02 vợ chồng đều thừa nhận là đúng, trong quá trình giải quyết tại Tòa án chị T và anh K đều thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K.

Về con chung: Vợ chồng chị T và anh K có 02 con chung là:

1. Vũ Thanh V, sinh ngày 25/11/2014.
2. Vũ Đức D, sinh ngày 26/01/2017.

Hiện chị T là người trực tiếp nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng nuôi 02 con chung của vợ chồng, anh K có nguyện vọng nuôi con Vũ Thanh V, chị T đã chứng minh được có đủ khả năng và điều kiện nuôi con như

thu nhập ổn định /tháng, có chỗ ở ổn định. Anh K cung cấp bảng lương cho Tòa án. Đối với yêu cầu xin nuôi con của chị T và anh K Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình có quy định “ Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”. Hiện nay cháu Vũ Thanh V và cháu Vũ Đức D đều dưới 36 tháng tuổi, chị T hiện nay có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, từ khi chị T nuôi dưỡng con thì các con vẫn phát triển bình thường. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, hiện nay các con vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Thanh V và cháu Vũ Đức D là phù hợp.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh K thực hiện quyền này.

Chị T, anh K có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh K đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đăng K thuận tình ly hôn

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là:

1. Vũ Thanh Vn, sinh ngày 25/11/2014.

2. Vũ Đức D, sinh ngày 26/01/2017.

Sau khi ly hôn anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh K thực hiện quyền này.

Chị T, anh K có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002243 ngày 29/03/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị, anh có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thu Hà